



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kiểm tra chất lượng**
Laboratory: **Quality Control Department**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Dược phẩm và Thương mại Phương Đông - TNHH**
Organization: **Phuong Dong Pharmaceutical and Trading Company Limited**

Số hiệu/ Code: **VILAS 970**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Sinh, Hóa**
Field: **Biological, Chemical**

Người quản lý: **Vũ Thị Nam**
Laboratory manager: **Vu Thị Nam**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /10/2025 đến ngày 14/11/2030**

Địa chỉ/ Address: **TS 509, tờ bản đồ số 01, Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh,
tỉnh Bắc Ninh**
**TS 509, map sheet No. 01, Hap Linh Industrial Cluster, Hap Linh Ward,
Bac Ninh province**

Địa điểm/Location: **TS509, tờ bản đồ số 01, Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh,
tỉnh Bắc Ninh**
**TS509, map sheet No. 01, Hap Linh Industrial Cluster, Hap Linh Ward,
Bac Ninh province**

Điện thoại/ Tel: **(+84) 039 306 3313**

E-mail: **tpkiemnghiem@phuongdongbn.com.vn**

Website **https://phuongdongpharma.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 970****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh****Field of Testing: Biological**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (Dạng rắn, lỏng, dầu) <i>Health supplement (Solid, liquid, oil)</i>	Định lượng vi sinh vật Đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật đổ đĩa <i>Enumeration of microorganisms Colony count technique at 30°C by the pour plate technique</i>		TCVN 4884-1:2015
2.		Định lượng vi sinh vật Đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật cấy bề mặt <i>Enumeration of microorganisms Colony count technique at 30°C by the surface plating technique</i>		TCVN 4884-2:2015
3.		Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Coliforms Colony count technique</i>		TCVN 6848:2007
4.		Định lượng nấm men nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95 <i>Enumeration of yeasts and moulds Colony count technique in products with water activity less than or equal to 0,95</i>		TCVN 8275-2:2010
5.		Định lượng nấm men nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95 <i>Enumeration of yeasts and moulds Colony count technique in products with water activity greater than 0,95</i>		TCVN 8275-1:2010

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/*Vietnamese Standard*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 970

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of Testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (dạng rắn, dạng dầu) <i>Health supplement (solid, oil)</i>	Xác định hàm lượng Vitamin B9 Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of Vitamin B9 content HPLC-DAD method</i>	0,05 mg/g	HP.QT37.01 (2025)
2.		Xác định hàm lượng Vitamin E Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of Vitamin E content HPLC-DAD method</i>	Dạng rắn/ <i>Solid</i> : 1,0 mg/g Dạng dầu/ <i>Oil</i> : 1,0 mg/g	HP.QT37.06 (2025)
3.		Xác định hàm lượng Glucosamin Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of Glucosamin content HPLC-DAD method</i>	5 mg/g	HP.QT37.13 (2025)
4.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe <i>Health supplement</i>	Xác định hàm lượng Vitamin B1 Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of Vitamin B1 content HPLC method</i>	Dạng rắn/ <i>Solid</i> : 0,25 mg/g Dạng lỏng/ <i>Liquid</i> : 0,25 mg/mL Dạng dầu/ <i>Oil</i> : 0,25 mg/g	HP.QT37.04 (2025)
5.		Xác định hàm lượng Vitamin B2 Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of Vitamin B2 content HPLC-DAD method</i>	Dạng rắn/ <i>Solid</i> : 0,25 mg/g Dạng lỏng/ <i>Liquid</i> : 0,25 mg/mL Dạng dầu/ <i>Oil</i> : 0,25 mg/g	HP.QT37.04 (2025)
6.		Xác định hàm lượng Vitamin B6 Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of Vitamin B6 content HPLC-DAD method</i>	Dạng rắn/ <i>Solid</i> : 0,25 mg/g Dạng lỏng/ <i>Liquid</i> : 0,25 mg/mL Dạng dầu/ <i>Oil</i> : 0,25 mg/g	HP.QT37.04 (2025)
7.		Xác định hàm lượng Vitamin B3 Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of Vitamin B3 content HPLC-DAD method</i>	Dạng rắn/ <i>Solid</i> : 0,5 mg/g Dạng lỏng/ <i>Liquid</i> : 0,5 mg/mL Dạng dầu/ <i>Oil</i> : 0,5 mg/g	HP.QT37.04 (2025)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 970

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
8.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe <i>Health supplement</i>	Xác định hàm lượng Lysine Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of Lysine content HPLC-DAD method</i>	Dạng rắn/Solid: 2,5 mg/g Dạng lỏng/Liquid: 2,5 mg/mL Dạng dầu/Oil: 2,5 mg/g	HP.QT37.12 (2025)
9.		Xác định hàm lượng Vitamin C Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of Vitamin C content HPLC-DAD method</i>	Dạng rắn/Solid: 1,6 mg/g Dạng lỏng/Liquid: 1,6 mg/mL Dạng dầu/Oil: 1,6 mg/g	HP.QT37.15 (2025)
10.		Xác định hàm lượng Arginine Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of Arginine content HPLC-DAD method</i>	Dạng rắn/Solid: 4,0 mg/g Dạng lỏng/Liquid: 4,0 mg/mL Dạng dầu/Oil: 4,0 mg/g	HP.QT37.14 (2025)
11.		Xác định hàm lượng Sắt Phương pháp F-AAS <i>Determination of Iron (Fe) content F-AAS method</i>	Dạng rắn/Solid: 0,5 mg/g Dạng lỏng/Liquid: 0,125 mg/mL Dạng dầu/Oil: 0,5 mg/g	AA.QT37.04 (2025)
12.		Xác định hàm lượng Kẽm (Zn) Phương pháp F-AAS <i>Determination of Zinc (Zn) content F-AAS method</i>	Dạng rắn/Solid: 0,2 mg/g Dạng lỏng/Liquid: 0,05 mg/mL Dạng dầu/Oil: 0,2 mg/g	AA.QT37.08 (2025)
13.		Xác định hàm lượng Canxi (Ca) Phương pháp F-AAS <i>Determination of Calcium (Ca) content F-AAS method</i>	Dạng rắn/Solid: 0,25 mg/g Dạng lỏng/Liquid: 0,062 mg/mL Dạng dầu/Oil: 0,25 mg/g	AA.QT37.05 (2025)
14.		Xác định hàm lượng Mangan (Mn) Phương pháp F-AAS <i>Determination of Manganese (Mn) content F-AAS method</i>	Dạng lỏng/Liquid: 0,05 mg/mL Dạng dầu/Oil: 0,2 mg/g	AA.QT37.07 (2025)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 970

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
15.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe <i>Health supplement</i>	Xác định hàm lượng Magie (Mg) Phương pháp F-AAS <i>Determination of Magnesium (Mg) content F-AAS method</i>	Dạng rắn/Solid: 0,05 mg/g Dạng lỏng/Liquid: 0,0125 mg/mL Dạng dầu/Oil: 0,05 mg/g	AA.QT37.06 (2025)
16.		Xác định hàm lượng Chì (Pb) Phương pháp GF-AAS <i>Determination of Lead (Pb) content GF-AAS method</i>	Dạng rắn/Solid: 0,115 µg/g Dạng lỏng/Liquid: 0,023 µg/mL Dạng dầu/Oil: 0,097 µg/g	AA.QT37.01 (2025)
17.		Xác định hàm lượng Cadimi (Cd) Phương pháp GF-AAS <i>Determination of Cadmium (Cd) content GF-AAS method</i>	Dạng rắn/Solid: 0,021 µg/g Dạng lỏng/Liquid: 0,0006 µg/mL Dạng dầu/Oil: 0,022 µg/g	AA.QT37.02 (2025)

Ghi chú/Note:

- AA.QT...; HP.QT...:phương pháp thử nội bộ/*laboratory's developed method*

Trường hợp Công ty Dược phẩm và Thương mại Phương Đông - TNHH cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Dược phẩm và Thương mại Phương Đông - TNHH phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Phuong Dong Pharmaceutical and Trading Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

